TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2017
V/v Ly hôn giữa chị Q và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kiều Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ
2. Bà Hoàng Thị Ạt

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 97/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXX- ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Q, sinh năm 1986, địa chỉ: Bản PT, xã CĐ, Thành phố SL, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1986, địa chỉ: Bản M, xã Chiềng M, huyện MS, tỉnh Sơn La. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lò Thị Q trình bày:

Chị và anh Hà Văn T kết hôn với nhau từ năm 2013 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân xã CM, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2013 khi kết hôn chị và anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa hai vợ chồng là do chị phát hiện ra anh T nghiện hút

ma túy. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh Tướng vẫn không cai nghiện và còn đánh đập chị nhiều lần. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay. Đến ngày 21/9/2016, anh T bị đưa đi cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung trong thời kỳ hôn nhân.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại phiên tòa chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày: Về tình cảm: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Văn T. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 28/6/2017 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Hà Văn T trình bày:

Về tình cảm: Anh đồng ý với phần trình bày của chị Q về quá trình kết hôn, chung sống giữa hai vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo anh là do anh chị không có con chung nên vợ chồng có cãi cọ nhau và chị Q đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ vào tháng 9/2015. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Q vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai anh cho rằng anh chị có 01 chiếc xe máy là tài sản chung. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải, anh thừa nhận chiếc xe máy là tài sản riêng của chị Q, anh không có yêu cầu chia. Anh yêu cầu chị Q phải trả cho anh 02 vòng tay bạc, 01 đôi hoa tai bạc và đồ cưới hỏi nhà anh mang lên cưới chị Q.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay mượn về tài sản.

Do anh T đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La không thể có mặt tại phiên tòa xét xử được nên anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T nghiện hút ma túy nên vợ chồng thường xảy ra xô xát cãi cọ nhau. Khoảng cuối năm 2015, chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến tháng 9/2016, anh T bị đưa đi cai nghiện bắt buộc

tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện MS. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau.

Về con chung: Chị Q, anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị sống cùng bố mẹ đẻ anh T nên cũng không có tài sản chung gì có giá trị.

Về nợ chung: không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị Q. Về con chung: Không có . Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không chấp nhận yêu cầu đòi lại đồ cưới hỏi của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện MS đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn Lò Thị Q, bị đơn Hà Văn T để hòa giải giải quyết vụ án. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lò Thị Q và anh Hà Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013, anh chị đã được UBND xã CM, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2013 (số 101/2013, quyển số 3/2013), khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T nghiện hút ma túy nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, cãi cọ nhau. Anh chị sống ly thân từ tháng

9/2015 đến nay do chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh T xác nhận vẫn còn tình cảm với chị Q nên không nhất trí ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự và điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã sống ly thân thời gian đã lâu, tình cảm vợ chồng giữa hai người đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh T không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Q cho rằng anh chị không có tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh T trong bản tự khai cho rằng anh chị có 01 chiếc xe máy là tài sản chung, tuy nhiên sau khi Tòa án tiến hành hòa giải cho các bên về việc giải quyết vụ án, anh Tướng thừa nhận chiếc xe máy là tài sản riêng của chị Q, anh không có yêu cầu chia tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngoài ra, anh T có ý kiến chị Q nếu muốn ly hôn phải trả cho anh toàn bộ đồ cưới gồm 02 vòng tay bạc, 01 đôi hoa tai bạc và những đồ cưới khác gia đình anh đã mang lên cưới hỏi chị Q. Xét thấy, các tài sản gồm 02 vòng tay bạc, 01 đôi hoa tai bạc và những đồ cưới hỏi khác do gia đình anh mang lên để cưới hỏi chị Q là những đồ sính lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán dân tộc do nhà trai tự nguyện mang đến nhà gái khi cưới hỏi nên Hội đồng xét xử xác định không phải là tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa, chị Q xác định các đồ vật này hiện đã không còn từ khi anh chị sống ly thân. Vì vậy, yêu cầu đòi lại sính lễ cưới hỏi của anh Tướng là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[2.4] Về nợ chung: Chị Q, anh T không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

[2.5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị Q và anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Chị Q, anh T không có con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

Không chấp nhận yêu cầu đòi lại đồ sính lễ cưới hỏi của anh Hà Văn T.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/03598 ngày 17 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CM;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Thị Kiều Anh